

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9 -2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Châu

2. ông Trọng Văn Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: bà Ngô Phương Hoàng Giang, kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2019, về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Trúc Anh Đ**; sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: số 32/B3, ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Quốc B**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Chị Đ có mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 03 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Trúc Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh B được tự nguyện, tìm hiểu yêu thương năm 2015 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 29/12/2015 được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị Đ.

Sau khi cưới vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh B ham chơi, thường tụ tập bạn bè đánh bài mà không lo làm ăn phụ giúp cho gia đình.

Chị Đ đã khuyên nhủ anh B nhiều lần nhưng anh B vẫn không sửa đổi. Đến tháng 6 năm 2017 thì chị Đ và cháu H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp Đ, xã G, huyện T sinh sống cho đến ngày hôm nay đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh B có đến tìm chị bàn bạc đoàn tụ nhưng chị không đồng ý.

Trước Tòa án chị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo H – sinh ngày: 27/7/2016. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Đ có công việc ổn định, làm nghề may và bán ga nệm, màn cửa tại nhà thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Quốc Bảo trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B thừa nhận lời khai của chị Đ về thời gian và hoàn cảnh kết hôn là đúng. Anh B và chị Đ cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 29/12/2015 được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây cũng là hôn nhân lần đầu của anh B.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh B nhưng hàng ngày anh B lên nhà chị Đ để chăn nuôi heo cùng bố mẹ của chị Đ. Trong quá trình làm ăn chung với nhau thì bố mẹ chị Đ có lần cho rằng anh B ăn cắp cám và lấy tiền tiêu xài cá nhân nên từ tháng 5 năm 2017 thì anh B không lên nhà nuôi heo chung cùng với bố mẹ chị Đ. Cũng từ đó thì chị Đ đưa con trở về nhà bố mẹ ruột của chị sống cho đến ngày hôm nay. Đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh B có đến gặp chị Đ bàn bạc đoàn tụ nhưng chị Đ không đồng ý.

Trước Tòa án chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý vì anh B còn thương với chị Đ, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung, mặt khác anh B theo đạo công giáo không được phép ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Bảo H – sinh ngày: 27/7/2016. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ thì anh B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh B làm nghề lái xe tải thu nhập trung bình mỗi tháng là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Thực tế thu nhập như thế nào thì anh B khai vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

Về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh B được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tổng tụng nhưng anh không chấp hành pháp luật không tham gia phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ; về con chung tạm giao cho chị Đ nuôi dưỡng, tạm thời anh Phan

Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị Đ, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không điều chỉnh.

Chị Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Phạm Trúc Anh Đ khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Phan Quốc B có nơi cư trú tại địa chỉ: ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh B, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân chị Đ xin ly hôn là do đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, anh B sống không quan tâm đến gia đình, thường xuyên uống rượu chị Đ khuyên nhủ nhưng anh B không sửa đổi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn đời sống chung không hạnh phúc. năm 2017 vợ chồng sống ly thân đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2019 và các biên bản hòa giải tiếp theo bị đơn anh Phan Quốc B khai, giữa anh và chị Đ không có mâu thuẫn trầm trọng, anh còn thương chị Đ, trong thời gian sống ly thân anh B có gặp chị Đ bàn bạc đoàn tụ nhưng chị Đ không đồng ý, mặt khác anh là người theo đạo công giáo không được phép ly hôn, nên việc chị Đ xin ly hôn anh B không đồng ý.

Trên cơ sở lời khai của chị Đ và anh B, hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2015 đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hôn nhân của chị Đ và anh B được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Đ được quyền xin ly hôn với anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Qua các bản khai anh B xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, anh còn thương chị Đ, không đồng ý ly hôn, nhưng từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh B không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ với chị Đ.

Theo biên bản xác minh ngày 29/4/2019, tại địa phương thì hôn nhân giữa chị Đ và anh B có xảy ra mâu thuẫn, do anh B không lo làm ăn, và uống rượu nên vợ chồng gây gổ, chị Đ và anh B đã sống ly thân từ năm 2017. Việc ly hôn của chị Đ và anh B và tranh chấp nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ cho chị được ly hôn với anh B .

[3] Xét về nuôi con chung: Chị Đ và anh B có lời khai thống nhất, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Phan Ngọc Bảo H; sinh ngày 27/7/2016.

Tại tòa án chị Đ và anh B tranh chấp nuôi con chung

Xét yêu cầu tranh chấp nuôi con giữa chị Đ và anh B hội đồng xét xử nhận định: Chị Đ và anh B đều có việc làm và thu nhập để nuôi con tuy nhiên công việc của anh B là tài xế lái xe còn chị Đ làm nghề may tại nhà nên điều kiện chăm sóc con chung ổn định hơn. Mặt khác sau khi chị Đ và anh B sống ly thân từ năm 2017 cháu H đã sống cùng với chị Đ cho đến ngày hôm nay. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về tâm lý cho cháu Hân hội đồng xét xử giao cháu H cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét về chia tài sản: Chị Đ và anh B không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Đ và anh B không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Trúc Anh Đ và anh Phan Quốc B được ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Trúc Anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phan Ngọc Bảo H sinh ngày: 27/7/2016. Tạm thời anh Phan Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản; nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Trúc Anh Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 001767 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 2 ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Đó